Ôn tập giữa kì: Hóa THCS (phiếu 6)

Câu 11: Hãy chọn các cặp chất phản ứng với nhau

$NaOH$ và K_3PO_4 HCl và $CaCO_3$ K_2CO_3 và $NaNO_3$

GT:

$NaOH$ và $MgCl_2$ HCl và $Ca(NO_3)_2$ K_2CO_3 và $Ca(NO_3)_2$

GT:

$Ca(OH)_2$ và Na_2CO_3 H_2SO_4 và $Ba(NO_3)_2$ KCl và $AgNO_3$

GT:

$Ba(OH)_2$ và K_2SO_4 $H_2SO_4 + NaCl_{dd}$ $BaCl_2 + CuSO_4$

GT:

$Mg(OH)_2$ và $CuSO_4$ $H_3PO_4 + AgNO_3$ Na_3PO_4 và $AgNO_3$

GT:

Câu 12: Thuốc thử để nhận biết khí oxi và khí nitơ là

A. dd NaOH B. Dung dịch HCl C. Quì tím ẩm D. Tàn đóm đỏ

GT:

Câu 13: Để nhận biết khí CO_2 và CO ta nên dùng

A. dd $Ca(OH)_2$ B. Dung dịch NaOH C. Quì tím ẩm D. dd HCl

GT:

Câu 14: Có thể nhận biết các chất rắn Na_2O, P_2O_5, MgO bằng thuốc thử

A. dd H_2SO_4 B. Dung dịch NaOH C. Quì tím ẩm D. dd HCl

GT:

Câu 15: Có thể nhận biết các kim loại Na, Ba, Cu bằng thuốc thử

A. dd H_2SO_4 B. Dung dịch NaOH C. Quì tím ẩm D. dd HCl

GT:

Câu 16: Có thể nhận biết các dung dịch HCl, $BaCl_2$, NaOH, H_2SO_4 bằng thuốc thử

A. dd H_2SO_4 B. Dung dịch NaOH C. Quì tím ẩm D. dd HCl

GT:

Câu 17: **Không** thể nhận biết các dung dịch $BaCl_2$ và $MgCl_2$ bằng dung dịch

A. H_2SO_4 B. NaOH C. Na_2SO_4 D. dd HNO_3

GT:

LIVEWORKSHEETS